TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 182/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17 -9 - 2018
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Thanh Liêm
Ông Trương Quốc Cường
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thắm - là thư ký Tòa án

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 733/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 601/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kiều L, sinh năm: 1987 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện A, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Anh Lê Tấn H, sinh năm: 1981 (có mặt)

Địa chỉ: K5, phường T, Tp. C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kiều L và anh Lê Tấn H sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2018, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Hậu Giang. Quá trình sống chung theo chị L là có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H ghen tuông đánh đập chị nên chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 06/2018 đến nay. Hiện chị L cho rằng mâu thuẫn vợ, chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh H. Đối với anh Lê Tấn H cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ, chồng đã trầm trọng như chị L trình bày và cho rằng hiện tình cảm anh cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị Lê Thị Kiều L,

Về con chung, nợ chung: Chị L, anh H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L, anh H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kiều L đối với anh Lê Tấn H được xác định là tranh chấp về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Kiều L có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin khước từ tham gia pH họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Lê Thị Kiều L.

[2] Về nội dung: Xét đơn khởi kiện của chị Lê Thị Kiều L thấy rằng, chị L, anh H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Hậu Giang ngày 02/02/2018 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn có phát sinh nhiều mâu thuẫn đã được cha, mẹ hai bên hòa giải nhưng không thành nên hiện cả chị L và anh H cùng thống nhất ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của chị L, anh H thể hiện sự mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được hiện chị L, anh H đã thống nhất thuận tình ly hôn trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh, chị ly hôn.

[3] Về con chung, nợ chung: Chị L, anh H đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 36, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Kiều L và anh Lê Tấn H thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung: Chị L và anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

3/ Về tài sản chung: Chị L và anh H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Chị L và anh H xác định không có.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, chị L phải nộp. Chị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0001208 vào ngày 16/8/2018, được đối trừ, chị L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND Tp Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp Cà Mau;
- UBND xã Trường Long Tây, H.Châu Thành A, t.Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trịnh Xuân Trúc

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào ngày 17 tháng 9 năm 2018.
Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ pH toà: Bà Trịnh Xuân Trúc.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Trúc Duyên
Ông Trương Quốc Cường

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 733/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018, về việc xin ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kiều L, sinh năm: 1987
Địa chỉ: Số 28, ấp Trường Phước B, xã Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Anh Lê Tấn H, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Số 128, khóm 5, phường Tân Thành, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại pH toà, kết quả tranh tụng tại pH toà, các quy định của pháp luật,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên bố:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Kiều L và anh Lê Tấn H thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung: Chị L và anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

3/ Về tài sản chung: Chị L và anh H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Chị L và anh H xác định không có.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, chị L phải nộp. Chị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0001208 vào ngày 16/8/2018, được đối trừ, chị L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc cùng ngày 17 tháng 9 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**		**THẨM PHÁN** **CHỦ TOẠ PH TOÀ**
Huỳnh Trúc Duyên	Trương Quốc Cường	Trịnh Xuân Trúc